TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26 tháng 4 năm 2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Quyên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lộc Văn Bậu và ông Đặng Quang Hoạch;

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Lê Trọng Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 819/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2019/QĐST - HNGĐ ngày 10/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1975. (*Có mặt*).

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1977. (*Vắng mặt).*

Cùng cư trú tại: 78B/4, ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thế H trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị L tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (cũ) nay là huyện T, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 1996.

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không phù hợp nên cuộc sống chung thường xuyên xảy ra xung đột, cải vã, mặc dù cả anh và chị L đã cố gắng hàn gắn nhưng không

có kết quả. Hiện tại vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, mạnh ai người đó sống, do đó hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng phai nhạt nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị L;

Về con chung: Anh và chị L có 03 con là: Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1997, Nguyễn Hoàng Minh H, sinh năm 1999 và Nguyễn Hoàng Minh N, sinh ngày 11/11/2005. Khi ly hôn do cháu P và cháu H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Nguyễn Hoàng Minh N, sinh ngày 11/11/2005 anh yêu cầu được nuôi và tạm thời anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp. Anh cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài ra anh không có yêu cầu nào khác.

- Bị đơn chị Hoàng Thị L không trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay không có lý do. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho chị L.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến: *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng; *Về đường lối giải quyết vụ án*: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh H, cho anh H được ly hôn với chị Hoàng Thị L và giao 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh N, sinh ngày 11/11/2005 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng dân sự*:** Anh Nguyễn Thế H khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" đối với bị đơn là chị Hoàng Thị L, cư trú tại: 78B/4, ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị L đã từ chối nhận các văn bản tố tụng và không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên chị Hoàng Thị L vẫn cố tình vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa mà không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1 Điều 228; điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L là có căn cứ.

[2] ***Về nội dung vụ án*****:**

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thế H và chị Hoàng Thị L là hợp pháp, vì lấy nhau tự nguyện, được UBND có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh H thì thấy: Sau khi thụ lý, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải mục đích để kêu gọi đoàn tụ nhưng không đạt kết quả vì chị L cố tình vắng mặt. Trong suốt quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, anh H vẫn cương quyết xin ly hôn với chị L. Vì giữa anh và chị L phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau. Chị L không đến Tòa án làm việc chứng tỏ chị L không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình và mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn biện pháp khắc phục. Xét thấy mục đích của hôn nhân và gia đình là sự gắn kết bằng tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc, tôn trọng và tin tưởng nhau, trong khi đó hôn nhân của anh H và chị L không có hạnh phúc, không có sự quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Do vậy, căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp thuận cho anh H được ly hôn với chị L.

2.3. Về con chung: Cháu N có nguyện vọng được sống cùng anh H, chị L không có ý kiến phản đối hoặc tranh chấp về việc ai là người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Do đó, cần giao cho anh H được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi cháu Nghĩa. Do anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Anh H khai không có nên không đề cập.

[3] ***Về án phí***: Anh H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Xét đề nghị nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thế H;

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thế H được ly hôn với chị Hoàng Thị L.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Thế H được quyền trực tiếp trôm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 con chung chưa thành niên là Nguyễn Hoàng Minh N, sinh ngày 11/11/2005.

Tạm thời anh H không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của chị L;

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thế H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 001124 ngày 03/12/2018. Anh H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Anh Nguyễn Thế H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Hoàng Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã T (GCNKH số 103; ĐKKH ngày 26/9/1996);
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Quyên